

TIẾP NHẬN PHÁP LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ TỪ HIỆP ĐỊNH TRIPS: TRƯỜNG HỢP TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM

NGUYỄN NGỌC THANH HÀ*

Ngày nhận bài: 06/09/2017

Ngày phản biện: 15/09/2017

Ngày đăng bài: 30/09/2017

Tóm tắt:

Tiếp nhận pháp luật từ luật quốc tế cần có sự đồng thuận các yếu tố văn hóa xã hội tại quốc gia tiếp nhận. Thực tiễn những giới hạn và khó khăn của việc áp dụng luật sở hữu trí tuệ (SHTT) tại Trung Quốc và Việt Nam, phản ánh sự xung đột quyền lợi giữa các nước phát triển và nước tiếp nhận pháp luật, những bất đồng của môi trường tiếp nhận và thực chất của việc áp đặt luật SHTT của các nước có nền công nghiệp và kỹ nghệ tiên tiến, thông qua hiệp định TRIPS.

Từ khóa:

Quyền Sở hữu trí tuệ, tiếp nhận pháp luật, hiệp định TRIPS, phát triển công nghệ...

Abstract:

A social and cultural favourable environment of the recipient country is necessary for international legal transplant. The failure of the enforcement of Intellectual Property Rights (IPR) in China and Vietnam reflect the conflict of interests, between developed countries and the recipient countries, the opposition of social and cultural environment and the implementation of IPR through the TRIPS Agreement.

Keywords:

Intellectual Property Rights, Legal transplant, TRIPS Agreement, technology development...

Đặt vấn đề

Những công trình nghiên cứu về việc thực thi luật SHTT tại Trung Quốc và Việt Nam thường phản ánh tình trạng kém hiệu lực và bất cập trong thực tiễn của pháp luật. Một trong các góc độ nghiên cứu là việc tiếp nhận luật SHTT tại 2 quốc gia này qua quá trình gia nhập WTO. Việc áp dụng pháp luật quốc tế vào hệ thống pháp luật quốc gia là hiện tượng tiếp nhận pháp luật hay còn gọi là cấy ghép pháp luật (legal transplant). Hiện tượng này có thể do nhu cầu thực tiễn của xã hội (hiện tượng tiếp nhận từ dưới lên trên) hoặc do áp lực bên ngoài (hiện tượng tiếp nhận từ trên xuống dưới). Trong nền kinh tế toàn cầu, pháp luật là công cụ áp đặt thể mạnh của các nước phát triển trong giao dịch kinh tế. Việc tiếp nhận pháp luật SHTT tại

* TS., Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: nguyen.thanha@yahoo.fr

các nước đang phát triển chủ yếu là do áp lực bên ngoài và thiếu sự đồng thuận môi trường văn hóa xã hội.

1. Sự mất cân bằng về quyền lợi trong việc tiếp nhận pháp luật sở hữu trí tuệ

Bắt đầu thập niên 1990, Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu và các tập đoàn kinh tế (các công ty xuyên quốc) đã vận động để quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) của các nước này được bảo vệ chặt chẽ. Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền Sở hữu trí tuệ (TRIPS) đã được hội nhập vào các hiệp định về Tổ chức thương mại quốc tế (WTO) thay vì nằm trong Hiệp định về Tổ chức quốc tế về quyền sở hữu trí tuệ (WIPO). Hiệp định TRIPS và Thỏa hiệp Washington¹ là những biểu hiện của sự bành trướng thế mạnh của mô hình kinh tế thị trường. Mục đích chính của các quy định này là đẩy mạnh đầu tư nước ngoài tại các nước đang phát triển. Thật ra, ẩn sau mục đích mở rộng lưu thông thương mại trong các văn kiện này là những giới hạn mà các quốc gia có nền kỹ nghệ tiên tiến áp đặt trên quyền tự chủ thương mại và kỹ nghệ của các nước đang phát triển. Trên thực tế, tự do hóa kinh tế là một hiện tượng phức tạp hơn những giả thuyết đề ra trong Thỏa hiệp Washington. Phát triển phải được tiến hành theo từng giai đoạn, song song với chính sách giáo dục thích hợp và đầu tư vững mạnh vào hạ tầng cơ sở và công nghệ. Gia nhập vào kinh tế thị trường là một tiến trình khác xa với cách tiếp cận đơn giản của hiệp ước này. Toàn cầu hóa không thể tiếp tục với sự áp đặt một chiều của các quốc gia phát triển. Điển hình của sự áp đặt luật pháp là sự buộc thực thi quyền SHTT tại các nước chưa có trình độ công nghệ phát triển.

Hiệp định TRIPS được ký kết nhằm mục đích ngăn chặn nguy cơ “cạnh tranh bất chính” từ các nước mới nổi. Theo tinh thần của Hiệp định này, khi quyền SHTT được bảo vệ chặt chẽ, các doanh nghiệp sẽ thu được lợi nhuận cao trong việc bán quyền sử dụng bằng phát minh và sáng chế, việc chuyển giao công nghệ sẽ gặp nhiều thuận tiện. Trên thực tế, các nước đang phát triển gặp rất nhiều khó khăn trong kinh tế toàn cầu, sau giai đoạn ký kết hiệp định TRIPS, dù đã có chế độ linh hoạt về thời hạn phải áp dụng các qui định và nội hóa luật SHTT. Hiệp định TRIPS có hướng nhìn một chiều từ phía các nước phát triển mà không chú ý đến quyền lợi thật sự của các nước “phải áp dụng”. Trên thực tế, việc thi hành hiệp định này trong giai đoạn kỹ thuật công nghệ chưa thực sự lớn mạnh như trường hợp Việt Nam, thì ngân sách phải chi trả và thời gian đầu tư cho việc bảo vệ quyền SHTT rất cao so với lợi ích thu được. Để thực thi pháp luật SHTT, chính phủ phải tiến hành hoàn thiện pháp luật và tổ chức hành chính, xây dựng cơ sở hạ tầng theo yêu cầu của nghĩa vụ quốc tế, đây là một gánh nặng quan trọng không mang lại lợi ích thật cho kinh tế quốc gia. Trên thị trường, giá cả hàng hóa sẽ tăng lên vì các doanh nghiệp phải trả chi phí để bảo vệ và khai thác các quyền SHTT.

¹ Thỏa hiệp Washington là danh sách các khuyến nghị do Ngân hàng quốc tế, Quỹ tiền tệ quốc tế và Bộ tài chính Hoa Kỳ thành lập nhằm mục đích cải thiện chính sách phát triển kinh tế tại các nước đang phát triển (giảm thiểu lạm phát, tư nhân hóa và tự do hóa kinh tế...) Kinh tế gia Mỹ Jonh Williamson là người đầu tiên gọi chương trình này là “thỏa hiệp Washington” theo tên của thủ đô của Hoa Kỳ.

Nếu nhìn lại trong quá khứ phát triển của các nước Âu Mỹ, tại thời điểm khi các ngành kỹ nghệ của họ bắt đầu lớn mạnh, các nước này đã không phải áp dụng luật SHTT. Lý do là vì luật này lúc đó chưa thịnh hành trong nội địa và cũng không được tôn trọng trong giao dịch thương mại quốc tế. Các nước đi sau ở châu Á như Nhật Bản và Hàn Quốc cũng đã hưởng được ưu thế đó trong quá trình phát triển công nghệ trong những thập niên 60². Các nước đang phát triển hiện nay như Việt Nam không có những cơ hội đó vì hiệp ước TRIPS tuy không bắt buộc có sự đồng bộ hệ thống luật pháp nhưng buộc phải tôn trọng các điều khoản qui định và áp dụng các qui chuẩn trong lãnh vực bảo vệ quyền SHTT.

2. Ảnh hưởng của môi trường văn hóa xã hội của quốc gia tiếp nhận pháp luật

Văn hóa pháp luật là nền tảng cho việc áp dụng luật có hiệu quả, nếu không có môi trường văn hóa thích hợp, pháp luật được tiếp nhận sẽ khó có hiệu quả trong ứng dụng thực tiễn. Trong quá trình lịch sử văn hóa cổ truyền của Việt Nam và Trung Quốc chưa hề nhắc đến quyền SHTT, luật này chỉ xuất hiện trong quá trình hài hòa luật để xin gia nhập WTO vào những năm 2000.

Sự độc quyền trên giá trị của tri thức trong luật SHTT đi ngược lại sự đề cao quảng bá tri thức trong văn hóa Trung Quốc. Theo ý tưởng Khổng giáo, sáng kiến cá nhân nên được đóng góp vào cộng đồng và không được xem là sở hữu độc quyền của tác giả. Một sáng kiến được xem là thành công nếu được mọi người sử dụng vì bắt chước sáng kiến là là hình thức công nhận giá trị của sáng kiến đó.

Quyền SHTT, như là bằng sáng chế, quyền đối với tác phẩm,... được xây dựng trên thói quen qui chuẩn hóa kiến thức và văn hóa dùng sáng tạo kỹ thuật để tạo ra lợi nhuận kinh tế tại các nước đề cao kinh doanh thương mại. Những cách suy nghĩ này rất khác với văn hóa truyền thống nông nghiệp tại Việt Nam. Các chủ sở hữu sáng chế, chủ sở hữu quyền tác giả, tác phẩm ở Việt Nam không đặt nặng vấn đề biến những sáng tạo về khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật của mình thành nguồn thu nhập vì không xem tài sản trí tuệ là một món hàng thương mại để khai thác kinh tế.

Tôn giáo và lịch sử pháp luật có tác dụng trên sự tiếp cận khái niệm về quyền sở hữu tại Trung Quốc và Việt Nam. Phật giáo có ảnh hưởng trong các vùng đồng quê nhiều hơn là khổng giáo, đạo lý phật giáo truyền bá các thuyết luân hồi, thuyết nhân quả, lòng nhân ái, tránh các tham vọng và chiếm hữu. Các giá trị vì cộng đồng và tập thể của Chủ nghĩa xã hội càng làm mờ nhạt vai trò của tài sản tư hữu nhất là trong việc ứng dụng vào sản xuất, thương mại. Sự khác biệt chính yếu giữa quyền tư hữu trong hệ thống Xã hội chủ nghĩa và hệ thống Tự do không phải chỉ trong các khái niệm mà là cả khung hệ thống pháp luật điều chỉnh quyền tư hữu. Các biện pháp bảo vệ quyền tư hữu tại Việt Nam chưa hiệu quả so với yêu cầu

² CHANG H.-J. (2001), *Intellectual Property Rights and Economic Development: historical lessons and emerging issues*, (*Quyền Sở hữu trí tuệ và phát triển kinh tế: bài học lịch sử và những vấn đề phải giải quyết*), Journal of Human Development, (Báo phát triển nhân văn), Vol. 2, n^o2, July, 287-309.

của các nước phát triển về việc bảo vệ quyền tư hữu nói chung và quyền sở hữu công nghiệp nói riêng. Các chính quyền địa phương tại Trung Quốc thường hỗ trợ và đứng sau các doanh nghiệp vì phạm vi các doanh nghiệp này đóng góp cho kinh tế địa phương³.

Tiếp nhận pháp luật nước ngoài khởi đầu từ trên xuống, có thể tự nguyện, có thể dưới áp lực bên ngoài, có thể bị bắt buộc, nhưng không thể thiếu sự ủng hộ và đón nhận rộng rãi từ dưới lên trong xã hội. Thậm chí, nhiều lúc chiều dưới lên còn đóng vai trò then chốt hơn cả chiều trên xuống.

3. Hạn chế của việc bảo vệ SHTT theo Hiệp định TRIPS tại Trung Quốc: quy mô của việc xâm phạm quyền SHTT

Chỉ trong vòng 20 năm tất cả các giai đoạn xây dựng hệ thống quyền SHTT đã được hoàn thành tại Trung Quốc trong khi các nước Âu Mỹ phải mất gần một thế kỷ để xây dựng⁴. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật này không phải là hàng rào bảo vệ thật sự quyền SHTT như các quốc gia phát triển mong muốn. Thật vậy, Trung Quốc là một trong các cường quốc kinh tế nhưng khi nói về thương mại của nước này, một vấn đề thường được nhắc đến: hàng giả và sự xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp. Khả năng và qui mô vi phạm quyền SHTT trong lĩnh vực công nghệ đời mới tại Trung quốc là mối đe dọa cho kinh tế các nước phát triển và là một vấn đề khó giải quyết. Với sự phát triển kinh tế qui mô của Trung quốc, sức ép nhất là từ phía Hoa Kỳ về việc áp dụng luật SHTT tại quốc gia này càng gay gắt hơn để bảo vệ quyền lợi các doanh nghiệp Hoa Kỳ.

Trong tình hình phát triển công nghệ ở Trung Quốc, các hoạt động hàng giả những nhãn hiệu nổi tiếng mang lại rất nhiều lợi nhuận và việc đánh cắp các bí mật thương mại có giá trị cao trong các lĩnh vực thông tin, thương mại điện tử có chiều hướng gia tăng trầm trọng. Hàng rào pháp luật bảo vệ quyền SHTT không có hiệu quả vì sự vi phạm của những tổ chức tinh vi, những bộ phận đầu não rất khó phát trong các vụ kiện. Các tổ chức biết lách luật và phân tán nhỏ các hoạt động khiến cho mức vi phạm thường không đủ cao để cấu thành tội phạm và thoát được kiểm soát của pháp luật. Mức độ vi phạm công nghệ ngày càng tinh vi và được nâng cao qua sự mua chuộc các nhà khoa học tham gia vào hoạt động hàng giả khiến cho các hoạt động này đạt mức độ tinh vi rất khó kiểm soát và phát hiện. Tổ chức còn đạt tính cách quốc tế qua hai phương thức sau: Một tổ chức bên ngoài Trung Quốc cung cấp các kiểu mẫu sản phẩm, công nghệ sản xuất, vốn và nguyên liệu cho các tổ chức làm hàng giả trong nước và theo yêu cầu, các hàng giả này sẽ được phân phối tại các nước khác nhau. Hoặc những doanh nghiệp làm hàng giả ngoại quốc sẽ mở cơ sở tại Trung Quốc và mang hàng giả để bán ra các nước trên thế giới.

³ Zhao Bingzhi, Zhang Yuanhuang, Ren Junmin(2007) , *Vấn đề hàng giả hàng nhái theo pháp luật Sở hữu trí tuệ tại Trung quốc (La contrefaçon en droit chinois de la propriété intellectuelle)*, Tạp chí luật so sánh quốc tế (Revue internationale de droit compare) , Tập 59 N°2,2007.

⁴ Zhao Bingzhi, Zhang Yuanhuang, Ren Junmin (2007).

Trước qui mô và tổ chức với nhiều phương tiện và quyết tâm, những công cụ pháp luật chưa phát triển, sự thiếu sự ủng hộ của môi trường xã hội, pháp luật bảo vệ quyền SHTT không đem lại hiệu quả mong muốn như theo tinh thần hiệp định TRIPS⁵.

Môi trường xã hội văn hóa có truyền thống Khổng giáo tại Trung Quốc cũng là một trong những khó khăn cho việc tiếp nhận pháp luật SHTT tại nước này. Đối với doanh nghiệp, khai thác sử dụng sáng chế hay nhãn hiệu của người khác là những nguồn lợi kinh tế dễ dàng nên họ không ngần ngại tự do sử dụng. Ý tưởng “Đối với đọc giả, trộm sách vở không bị xem là trộm thật sự”⁶ này vẫn còn được phổ biến trong xã hội Trung Quốc, do đó việc bảo vệ quyền STTT trong lĩnh vực văn học nghệ thuật không có sự hưởng ứng của xã hội.

Các doanh nghiệp Âu Mỹ không ngừng tìm kiếm sáng phẩm mới và sự khác biệt để chiếm ưu thế trên thị trường. Ngược lại, tư tưởng khổng giáo truyền thống tại Trung Quốc đề cao khái niệm đồng nhất và không chủ trương phát triển cá nhân và sáng kiến. Điều này đã dẫn đến vấn đề các doanh nghiệp có khuynh hướng sản xuất sản phẩm hàng loạt hoặc sản phẩm tương tự. Do cạnh tranh và việc giảm giá thành, những doanh nghiệp không đủ sức cạnh tranh sẽ bị qua mặt hoặc có khuynh hướng vi phạm quyền nhãn hiệu hay sở hữu công nghiệp của các doanh nghiệp khác. Vì không có chiến lược dài hạn nên các doanh nghiệp không chú trọng đầu tư vào các sản phẩm công nghệ mới và nhu cầu trong lãnh vực này trở thành thị trường của giới làm hàng giả.

4. Những bất lợi của việc thực thi luật Sở hữu trí tuệ tại Việt Nam

Việc tiếp nhận pháp luật SHTT phản ánh sức ép bên ngoài đối với Việt Nam. Khi gia nhập WTO, Việt Nam có nghĩa vụ áp dụng các qui định của Hiệp định TRIPS và chấp nhận sự mất cân bằng về quyền lợi giữa các bên liên quan. Bảo vệ quyền SHTT mang lại lợi ích cho các nước có kỹ thuật công nghệ hiện đại nhưng lại là điều bất lợi cho các nước có công nghệ chưa phát triển như Việt Nam. Trên lý thuyết, quyền sở hữu tuyệt đối và những thuận tiện để đăng ký quyền sở hữu công nghiệp sẽ là động cơ thúc đẩy sáng tạo và phổ biến ứng dụng ra thị trường. Tuy nhiên trên thực tế, những hệ quả nảy sinh từ sự lạm dụng độc quyền trên thị trường, chi phí phát sinh của quá trình hoạt động, sự bất bình đẳng về thông tin sẽ dẫn đến việc các doanh nghiệp công nghệ cao sẽ thu tóm lợi nhuận thị trường và tạo sự kìm hãm phổ biến công nghệ, hoặc làm cho giá thành tăng quá cao và sẽ tạo khó khăn cho các đối tác cần công nghệ. Chính sách công nghệ hóa kinh tế của Việt Nam sẽ phải đối đầu với những bất lợi do sự áp dụng luật SHTT của hiệp định TRIPS.

Nội dung của hiệp định này không có lợi cho Việt Nam, điển hình là trường hợp bằng sáng chế, đây là một quyền rất quan trọng để bảo vệ các sáng kiến công nghệ là trọng tâm của

⁵ Zhao Bingzhi, Zhang Yuanhuang, Ren Junmin(2007), *Vấn đề hàng giả hàng nhái theo pháp luật Sở hữu trí tuệ tại Trung quốc (La contrefaçon en droit chinois de la propriété intellectuelle)*, Tạp chí Luật so sánh quốc tế (Revue internationale de droit compare), Tập 59 N°2,2007.

⁶ Wei Shi(2006), *Cultural Perplexity in Intellectual Property: Is Stealing a Book an Elegant Offense*, (Sự phức tạp của Sở hữu trí tuệ: trộm sách có thể được xem như một sự vi phạm tao nhã?).

giá trị thương mại của các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ hiện đại nhất là Hoa Kỳ. Tuy nhiên, bằng sáng chế lại không có ứng dụng bảo vệ những ngành kinh tế quan trọng đối với các nước đang phát triển như Việt Nam như ngành thủ công.

Các nước phát triển cũng hiểu những bất cập của việc thi hành hiệp định tại các nước đang phát triển, tuy nhiên nhượng bộ duy nhất của họ là chế độ linh hoạt dành cho các nước này về thời điểm thi hành nghĩa vụ và quyền tự do chọn lựa các phương thức thi hành các quy chuẩn yêu cầu. Việt Nam chưa thật sự khai thác được chế độ linh hoạt dành cho các nước đang phát triển trong việc thi hành hiệp định TRIPS. Điển hình trong lĩnh vực công nghệ thông tin, pháp luật SHTT tại Việt Nam khá hoàn chỉnh và tương ứng với pháp luật các nước phát triển nhưng điều này đi ngược lại với quyền lợi kinh tế của đất nước.

Sự khác biệt về cách giải thích các qui định của Hiệp định TRIPS giữa các nước thành viên có trình độ phát triển khác nhau trong WTO cũng đã tạo nên những khái niệm không rõ ràng thống nhất về các quy phạm SHTT và dẫn đến vô hiệu hóa công tác bảo vệ quyền SHTT. Việc bảo vệ nhãn hiệu đòi hỏi chuyên viên có trình độ và phương tiện kỹ thuật để thẩm định trong quá trình đăng ký bảo vệ thương hiệu. Do đó, luật SHTT tại Việt Nam không bảo vệ các nhãn hiệu không nhận dạng được bằng thị giác. Theo khái niệm bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp của Pháp, hoạt động hàng giả vi phạm quyền SHTT và quyền sở hữu công nghiệp, trong khi khái niệm hàng giả của Việt Nam rộng hơn và chỉ có một trường hợp là liên quan đến quyền SHTT. Khái niệm hàng giả của Việt Nam bao gồm có 4 trường hợp, trong đó chỉ có trường hợp thứ ba là trường hợp “hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ”⁷. Xử lý xâm phạm quyền SHTT ít nghiêm khắc so với các hoạt động hàng giả khác. Đây là sự xâm phạm quyền lợi riêng tư nên chính các chủ thể bị xâm phạm phải thưa kiện thì sự vi phạm mới bị phạt. Pháp luật Việt Nam cũng theo chiều hướng không bảo vệ quyền của tác giả mà bảo vệ tác phẩm và khai thác các điều khoản hạn chế bảo vệ quyền SHTT mà Hiệp định TRIPS chấp nhận cho các nước đang phát triển áp dụng để phát triển giáo dục, văn hóa và giảng dạy⁸.

Việt Nam là một nước kinh tế nông nghiệp, với truyền thống gắn kết với làng xã, đất đai, với sự đoàn kết để chống lại các điều kiện thiên tai và nghèo khó. Việc buôn bán là những hoạt động nhỏ lẻ và chưa tạo thành văn hóa thương mại như các nước phương Tây. Do đó, thương mại và kỹ nghệ hóa chưa được chú ý và phát triển thành những giá trị xã hội nên khái niệm về giá trị của quyền sở hữu công nghiệp không được quan tâm.

Hệ thống SHTT chưa thấm nhập vào ý thức của người dân cho nên họ vẫn chưa có sự hiểu biết về bản chất và các đặc điểm của lĩnh vực này. Trong tư tưởng của một số đồng, việc khai thác bằng sáng chế miễn phí và việc in ấn sao chép các tác phẩm nghệ thuật không phải là vi phạm pháp luật, việc công nhận độc quyền nhãn hiệu hay kỹ thuật công nghệ có tính

⁷ Điều 213 Luật SHTT.

⁸ Thanh thị Kiều, (2009), *Implementating the Agreement on Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights in Vietnam, (Thực thi Hiệp định TRIPS – Góc độ thương mại của Quyền Sở hữu trí tuệ tại Việt Nam)* Luận án tiến sĩ luật Trường Đại học Luật và triết học Victoria.

cách tự động. Người Việt Nam chuộng hàng ngoại nhất là hàng của các nhãn hiệu nổi tiếng, nhưng đa số không có khả năng mua các loại hàng hóa này và việc cung cấp hàng giả đã đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Các doanh nghiệp sản xuất cũng thu được nguồn lợi nhuận và chính quyền cũng không thấy có điều gì bất lợi. Hiện tượng này rất phổ biến và trong quan điểm của đa số dân chúng đã trở thành một sự kiện thông dụng và việc khởi kiện các hành vi xâm phạm SHTT chưa đi vào văn hóa ứng xử trong xã hội. Ngoài ra, những khó khăn trong việc cung cấp các chứng cứ vi phạm làm giảm hiệu quả của việc thưa kiện và trừng phạt.

Với những kỹ thuật thông tin hiện đại vi phạm quyền SHTT càng trở nên phức tạp và quyền này càng khó bảo vệ. Các doanh nghiệp cần có nhận thức rằng đây là một quyền của tư nhân, do đó các chủ sở hữu phải có phản ứng kịp thời để bảo vệ một cách hữu hiệu những vi phạm quyền của mình mà không có thái độ thụ động chờ sự can thiệp của cơ quan công quyền.

Kết luận

Việc tiếp nhận quyền SHTT từ Hiệp định TRIPS tại các quốc gia đang phát triển hoặc chưa có công nghệ kỹ thuật hiện đại như Trung Quốc và Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn. Những rào cản do thói quen, văn hóa, chính trị làm cho những qui định về SHTT dù đã được nội luật hóa nhưng không có tính khả thi.

Việc bảo vệ quyền SHTT phải được giải quyết theo chiều hướng có hệ thống và có tính cách dài hạn chứ không thể chỉ bằng cách áp dụng một cách đơn giản như áp dụng các biện pháp trừng phạt vi phạm. Giải pháp thích hợp nhất là sự củng cố sự bảo vệ quyền SHTT phải đi đôi với sự phát triển khoa học và kinh tế của các nước đang phát triển. Giá trị xã hội của QSHTT sẽ được công nhận khi các quốc gia này hưởng được những quyền lợi do sự phát triển khoa học công nghệ mang lại. Khi đó việc tôn trọng quyền SHTT sẽ trở thành một giá trị của văn hóa quốc gia và được bảo vệ vì có sự tôn trọng của xã hội.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Quế Anh (2014), *Một vài suy nghĩ về khái niệm hàng giả trong bối cảnh cuộc chiến chống hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Luật học, tập 30, 52 Số 1 (2014) 44-53.
2. Phạm trọng Nghĩa (2010), *Về cây ghép pháp luật*, NCLP Số 8(169) tháng 4/2010.
3. Thanh thị Kiều, (2009), *Implementating the Agreement on Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights in Vietnam, (Thực thi Hiệp định TRIPS - Góc độ thương mại của Quyền Sở hữu trí tuệ tại Việt Nam)* Luận án tiến sĩ luật Trường Đại học luật và triết học Victoria.
4. Chang H.-J. (2001) *Intellectual Property Rights and Economic Development: historical lessons and emerging issues (Quyền sở hữu trí tuệ và phát triển kinh tế: kinh nghiệm lịch*

sử và những hệ quả tiếp diễn), *Journal of Human Development*, (Báo Phát triển nhân văn) Vol. 2, n^o2, July, 287-309.

5. Olufunmilayo B. Arewa (2012), *Intellectual Property and Conceptions of Culture*, (Sở hữu trí tuệ và những khái niệm văn hóa) the WIPO journal, (Báo Tổ chức Sở hữu trí tuệ quốc tế), volume 4 issue 1 2012, 10-19.
6. Zhao Bingzhi, Zhang Yuanhuang, Ren Junmin(2007), *Vấn đề hàng giả hàng nhái theo pháp luật Sở hữu trí tuệ tại Trung Quốc (La contrefaçon en droit chinois de la propriété intellectuelle)*, Tạp chí Luật so sánh quốc tế (Revue internationale de droit comparé), tập 59 N^o2,2007.
7. Wei Shi(2006), *Cultural Perplexity in Intellectual Property: Is Stealing a Book an Elegant Offense*, (Sự phức tạp của Sở hữu trí tuệ: trộm sách có thể được xem như một sự vi phạm tao nhã?) <http://scholarship.law.unc.edu/ncilj/vol32/iss1/1>.